

Chân dung “Tả văn” trong làng xã Việt Nam thời quân chủ qua góc nhìn văn bản tục lệ Hán Nôm

Đào Phương Chi*

Nhận ngày 9 tháng 4 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 8 năm 2023.

Tóm tắt: Trong hoạt động tế tự, Tả văn (còn gọi là Điền văn, Điền lễ - người viết bài văn để tế thánh thần) là một trong những nhân vật quan trọng nhất. Nhân vật này là thành phần không thể thiếu trong mỗi buổi tế thánh thần và đã tồn tại suốt thời quân chủ trong làng xã Việt Nam. Tuy nhiên, vì dường như không có ghi chép một cách hệ thống về họ, nên khó có thể hình dung được một cách cụ thể về Tả văn. Bài viết này, trên cơ sở những thông tin hữu quan trong các văn bản Hán Nôm, sẽ tìm hiểu về những vấn đề sau: tiêu chuẩn để được làm Tả văn, nhiệm vụ, nhiệm kỳ, quyền lợi và hình thức phạt khi không hoàn thành nhiệm vụ, để giúp người đọc hình dung phần nào diện mạo của nhân vật đó.

Từ khóa: Tả văn, tế tự, tục lệ, làng xã, Việt Nam.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: In worshipping activities, Tả văn (also known as Điền văn, Điền lễ - who writes articles to worship the gods) is one of the most important characters. This character is an indispensable part of every worshipping session to the gods and has existed throughout the monarchy period in Vietnamese villages. However, since there doesn't seem to be a systematic record of them, it's hard to get a concrete picture of Tả văn. This article, on the basis of relevant information in Sino-Nom documents, researches the following issues: criteria for being a Tả văn, duties, tenure, benefits and penalties for not completing the task, to help readers visualize somewhat of the character's appearance.

Keywords: Tả văn, worshipping, custom, village, Vietnam.

Subject classification: History

1. Mở đầu

Tế tự là hoạt động vô cùng hệ trọng đối với một làng xã. Thành viên tham gia buổi tế khá phức tạp, với các chức trách khác nhau. Một trong những thành viên hay được nhắc tới nhất chính là Tả văn (đôi khi còn gọi là Điền văn, Điền lễ) - người viết bài văn khấn để dâng lên các vị thánh thần trong làng. Tuy nhiên, cho đến nay, rất ít tài liệu cho biết về họ một cách chi tiết. Ngay đến những ghi chép gần đây nhất về chức sự này là một số sách báo đầu thế kỷ XX cũng không mô tả một cách thật sự hệ thống, rõ ràng. Với mong muốn tìm kiếm thêm thông tin về nhân vật quan trọng trong hoạt động tế tự kể trên, bài viết này sẽ nghiên cứu Tả văn qua văn bản tục lệ tỉnh Hà Đông - một trong những nguồn ghi chép chứa đựng nhiều thông tin về tế tự, mà Tả văn là một phần trong đó.

2. Các văn bản tục lệ được khảo sát và thông tin chung từ các văn bản

Trong khi khảo sát, chúng tôi đã tìm thấy 48 văn bản (niên đại định bản từ 1874 đến 1934) có đề cập tới chức sự này. Các thông tin thu được như bảng dưới đây:

* Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: phuongchivhn@gmail.com

Bảng 1: Quy định cho Tả vắn¹

TT	Làng xã/Văn bản ²	Tả vắn					Điền lễ		Điền vắn		
		Tiêu chuẩn	Thời hạn	Nhiệm vụ	Quyền lợi		Phạt	Tiêu chuẩn	Quyền lợi	Tiêu chuẩn	Quyền lợi
1.	Sơn Đòng	Khoa mục; Nhất Nhị trường, Tổng lý			Biểu cổ thờ	Ruộng					
2.	Thụy Phương	Khoa mục hoặc chức sắc			Biểu thít tộ hoặc nem					Khoa mục hoặc chức sắc hoặc lý dịch	Biểu
3.	Giang Xá	Khoa mục hoặc chức sắc hoặc Tổng lý			Biểu						
4.	Tiền Lệ	Khoa mục hoặc chức sắc hoặc Tổng lý đương thứ									
5.	Thôn Vực	Khoa mục hoặc Nhất Nhị trường hoặc Tổng lý hoặc chức dịch					Không cáo vắng phạt 3 mạch				
6.	Đại Lộ	Định theo ngôi làng: người thứ vị đệ tam hoặc Tổng lý					Đánh vỡ đồ thờ thờ phải đền và sửa một trăm khâu trầu tạ làng				
7.	Cổ Chế						Vắng không cáo, phạt 2 hào				

¹ Vì Tả vắn là cách gọi phổ biến, nên tôi dùng cách định danh này để chỉ chung. Tuy nhiên, trong bảng thống kê, để tôn trọng cách gọi ở địa phương, các định danh về chức sự này vẫn được giữ nguyên văn như ở văn bản. Bởi vậy, sẽ tồn tại đồng thời 3 cách gọi: Tả vắn, Điền lễ, Điền vắn.

² Tên/địa danh đầy đủ có trong *Tư liệu trích dẫn* ở cuối bài viết.

8.	Thượng/280	Khoa mục, chức sắc, Chánh phó tông hoặc Chánh phó lý đương thứ ³					Phạt 2 hào nếu trái lệ “không có trở tiêu công giờ lên và mũ áo chinh tề”				
9.	Tự Khoát	Lý trưởng			Biểu						
10.	Yên Sở					5 sào ruộng					
11.	Chương Dương				Biểu						
12.	Cổ Chất				Biểu						
13.	Trù Mật										Biểu
14.	Ứng Hòa				Biểu	1 sào ruộng					
15.	Ninh Sơn				Biểu						
16.	Thịnh Đức Thượng	Khoa mục; phẩm hàm; Nhất Nhị trưởng; Tổng lý mãn lệ			Biểu						
17.	Hạ/44	Đại khoa hoặc khoa trường sắc mệnh ⁴ hoặc khao vọng viên nhân thân niên Lý trưởng ⁵			Biểu						
18.	Tri Chi				Biểu						
19.	Thượng/46	Khoa mục; tiên chi; Nhất Nhị trưởng; Tổng lý			Biểu						
20.	Dương Liễu/142				Biểu						
21.	Thọ Vực							Khoa mục; phẩm hàm; Nhất Nhị trưởng	Biểu		

³ Làng này quy định Tả văn kiêm Tế chủ.

⁴ Sắc mệnh: người được ban cho bằng sắc (văn bản giao nhiệm vụ, phong cấp v.v.).

⁵ Làng này quy định Tả văn kiêm Tế chủ, Thủ khoán.

22.	Phương Bàng	Khoa mục; chức sắc; Lý trưởng				Biểu						
23.	Cổ Châu	Khoa mục; chức sắc; Tiên thứ chi; Kỳ mục; Trùm trưởng; Nhất Nhị trưởng				Không biểu						
24.	La Dương	Tể chủ là thí khoa sinh trở lên; thông hiểu chữ nghĩa trong Văn hội					Hành lễ bắt cần phạt 3 hào					
25.	Thọ Lão	Quan chức hàm cao; chức sắc; Lý phó trưởng; độc chức										
26.	Thanh Diêm/182	Luân lưu Hội mục bồi tể; Tư văn bồi tể; có con trai; vợ chồng song toàn	1 năm	Lệ cũ mời mọc khoản đãi, lệ mới bỏ	Trai giới, ra đình miếu từ hôm trước, bàn định việc thờ	Biểu		Thất lễ phạt 5 hào, 100 khẩu trâu				
27.	Hạ/284	Đương thứ Lý trưởng; Phó lý				Biểu						
28.	Thanh Xuyên	Khoa mục; Tổng lý				Biểu						
29.	Viên Hoàng	Tú tài; suất đội		Khao		Biểu						
30.	Khai Thái					Biểu						
31.	Tri Lễ	Khoa mục; tiên thứ chi; cầm binh; tinh binh				Biểu						
32.	Văn Hội					Biểu						
33.	Phú Mỹ/2/42	Thứ chi; hoặc ba giáp luân phiên										
34.	Từ Thuận	Đương thứ Lý trưởng				Biểu						
35.	Đồng Lệ											
36.	Nam Phú	thí sinh										
37.	Đồng Vinh	Khoa mục; Nhất Nhị trưởng; Tổng lý				Biểu						

38.	Động Phí	Khoa trường; chánh phó tổng; Lý trưởng đủ 10 năm;	Võ thì suất đội; lục thất phẩm trứng Nhất Nhị trường trở lên; Phó lý; Hương trưởng			Biểu						
39.	Yên Cảnh					Biểu						
40.	Đoàn Xá	Tiên chỉ				Biểu						
41.	Đông Duyên	Khoa mục; Nhất Nhị trường, Tổng lý				Biểu						
42.	Yên Duyên/2/100	Khoa mục; phẩm hàm; Nhất Nhị Trường, Tổng lý đủ lệ năm	Tả văn ở phù từ thì dùng Thượng lão			Biểu						
43.	Nam Du Thượng					Biểu						
44.	Giáp Lục	Văn chi: đại khoa; tiểu khoa; phẩm hàm; đương thứ Lý trưởng		Mới ứng làm Lý trưởng hoặc trứng khóa thi làm lễ tại Văn chi và mời Tư văn rồi mới được làm tả văn		Biểu						
45.	Vĩnh Thị	Khoa trường; Lý phó trưởng; Thứ chỉ				Biểu						
46.	Thượng/513	Tiên chỉ				Biểu		Thất lễ phạt 1 hào và 5 khẩu trâu				
47.	Đa Sĩ					Biểu						
48.	Đàn Viên	Khoa mục, Chức sắc miễn sai, Kỳ mục, Lý phó trưởng ai chữ nghĩa thông				Biểu						
	Số làng quy định	33		1	4	35	2	7	1	1	1	2

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Thông thường, mỗi chức sự tế tự sẽ đảm nhiệm một nhiệm vụ. Tuy nhiên, thông tin từ các văn bản cho thấy một thực tế là ở một số ít làng xã, một người có thể đảm đương nhiều chức vụ. Cụ thể là, trong 48 văn bản ghi về Tả văn, có Thượng/280 quy định Tả văn kiêm Tế chủ và Hạ/44 quy định Thủ chỉ⁶ kiêm Tế chủ, Tả văn, Thủ khoán⁷. Các bản còn lại, Tả văn không kiêm chức. Ngoài ra, mỗi làng thường có một Tả văn, nhưng cũng không phải là không có trường hợp một làng có nhiều Tả văn đảm nhiệm nhiệm vụ ở những nơi thờ tự khác nhau. Có 2/48 văn bản cho thấy hiện tượng này. Cụ thể là: Hạ/44 có 2 Tả văn: một phụ trách việc viết văn tế ở đình (yêu cầu là phải có một trong 3 tiêu chuẩn: Khoa mục; Nhất Nhị trường⁸; Tổng lý⁹), một phụ trách ở phủ từ (tiêu chuẩn là Thượng lão - người có tuổi cao trong làng). Xã Yên Duyên/2/100 cũng quy định tương tự, chỉ khác là Tả văn ở đình, ngoài tiêu chuẩn Khoa mục; Nhất Nhị trường; Tổng lý, còn có thêm phẩm hàm¹⁰ và Tổng lý thì phải đủ lệ năm (tức là làm đủ số năm theo quy định của làng). Cũng có trường hợp xã có hai thôn chung nhau tế tự. Trong trường hợp đó, thông thường, họ quy định hai thôn sẽ luân phiên cử người làm Tả văn: “Tả văn thì hai thôn, mỗi thôn một bận phải cử khoa mục” (Sơn Đồng, 18a¹¹).

Ghi chép trong các văn bản cho thấy quy định về Tả văn gồm các thông tin: tiêu chuẩn chọn lựa; nhiệm kỳ; nhiệm vụ; quyền lợi và hình thức phạt khi không thực hiện tốt nhiệm vụ. Số văn bản đề cập tới từng nội dung được thống kê ở bảng trên và xếp theo thứ tự nhiều ít như sau: quyền lợi: 38 văn bản; tiêu chuẩn: 35; phạt: 7; nhiệm vụ: 4; thời hạn: 1. Các quy định này sẽ lần lượt được tìm hiểu ở dưới đây.

3. Các quy định chủ yếu cho Tả văn

3.1. Thời hạn

Nội dung này chỉ được 1 văn bản là Thanh Điền/182 ghi chép và họ quy định Tả văn có nhiệm kỳ 1 năm. Tuy không được hầu hết các văn bản ghi về thông tin này, nhưng có thể đây là kỳ hạn phổ biến trong các làng, bởi những chức sự liên quan tới tế tự nói riêng, công việc làng xã nói chung, như giáp đương cai, thủ từ, tuần phiên, v.v... cũng thường được quy định hạn trong 1 năm. Tuy nhiên, theo Phạm Xuân Lộc, thông thường, nhiệm kỳ của Tả văn có thể lên tới hàng chục năm, cho đến khi người đó qua đời. Chỉ một số trường hợp đặc biệt mới quy định nhiệm kỳ một vài năm: “Còn như ở xã Yên Lãng và trại Giảng Võ thì có rất nhiều Điền văn là vì có nhiều Quan viên chân trắng (được vào hàng quan viên do bỏ tiền ra mua, chứ không phải do có chức tước hay đỗ đạt - Đào Phương Chi) ra làm chức vị này. Quan viên chân trắng bình thường nếu không phải là Điền văn thì mỗi khi làng có việc chỉ được ra đứng tế thần ở đình mà thôi, còn khi ăn cỗ thì người đó không được phép ngồi cùng mâm với các vị hàng Cự lão (tức Trùm trường), Kỳ mục, Lý trưởng, Phó lý. Chỉ khi đã là Điền văn thì vị Quan viên chân trắng đó mới được ngồi ăn uống cùng với các Kỳ mục. Vì thế nên người ở hai làng kể trên mới ganh đua nhau vào chân Điền văn. Nhiệm kỳ của Điền văn ở đó chỉ kéo dài có một, hai năm, hết hạn ấy là bãi chức để Kỳ mục lại chọn bầu người khác làm Điền văn,

⁶ Thủ chỉ: Tức Tiên chỉ. Theo Phan Kế Bính thì “là các hạng hưu quan trí sĩ về làng, hoặc người khoa trường chức sắc, nếu không có khoa trường chức sắc thì người kỳ cựu già có tuổi cũng được dự vào chân ấy. Dân làng có việc ký kết gì tất phải Tiên Thứ chỉ ký đầu giấy. Tiên Thứ chỉ có quyền quyết đoán mọi việc, và có việc gì tất phải hỏi đến Tiên Thứ chỉ mới được thi hành” (Phan Kế Bính, 1990: 134).

⁷ Thủ khoán: Người giữ bản khoán ước/hương ước/tục lệ v.v... của làng.

⁸ Nhất Nhị trường: Tức Nhất trường (người đỗ trường thứ nhất của khoa thi Hương) và Nhị trường (người đỗ thứ hai trường của khoa thi Hương).

⁹ Tổng lý: Gọi chung Chánh tổng và Lý trưởng (Hoàng Phê, 2003: 1014).

¹⁰ Phẩm hàm: Cấp bậc và hàm của một viên quan. Chỉ quan chức nhà nước/triều đình nói chung.

¹¹ Số sau tên làng là số trang văn bản. Các văn bản tục lệ ở Viện Thông tin Khoa học xã hội (ký hiệu HUN) được đánh số trang liên tục theo kiểu hiện đại. Còn các văn bản ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm (các ký hiệu còn lại) được đánh số theo dạng 1 tờ có 2 mặt chung nhau số thứ tự, khác nhau ở chỗ mặt trước thì sau số thứ tự có thêm “a”, mặt sau thì thêm “b”. Đề tôn trọng văn bản, chúng tôi giữ nguyên cách đánh số trang như vậy trong bài viết này.

và như thế lại được ăn cỗ uống rượu” (Phạm Xuân Lộc, 2016: 35-36). Cho đến nay, chúng tôi mới bắt gặp hai tư liệu có ghi chép về quy định nhiệm kỳ kể trên (Thanh Điền/182 và *Nhân danh tập chí*), bởi vậy, chưa thể khẳng định chắc chắn đâu là nhiệm kỳ phổ biến.

3.2. Tiêu chuẩn chọn lựa

Kết quả thống kê ở Bảng 1 cho thấy có thể chia tiêu chuẩn chọn lựa thành 6 nhóm: Đễ đạt (ngạch văn), Quan chức, Chức sự làng xã, Tuổi tác, Ngạch võ, Luân phiên. Từ bảng trên, có thể tính được các thông số liên quan tới các tiêu chuẩn và nhóm tiêu chuẩn như sau:

	Đễ đạt					Quan chức				
	Đại khoa	Tiểu khoa	Khoa trường	Khoa mục	Tú tài	Nhất Nhị trường	Phẩm hàm	Lục thất phẩm	Sắc mệnh	
Số làng xã quy định cho từng tiêu chuẩn	4	1	3	20	1	12	5	1	3	
Tổng số tiêu chuẩn được lựa chọn của nhóm				41				9		
Số làng chọn nhóm làm tiêu chuẩn đứng đầu				20				1		

	Chức sự làng xã										
	Chánh tổng	Phó tổng	Tiên chi	Thứ chi	Chức sắc	Khao vọng	Lý trưởng	Hương trưởng	Phó lý	Thứ vị đệ tam	Chức dịch
Số làng xã quy định cho từng tiêu chuẩn	14	2	5	4	9	2	29	1	6	1	1
Tổng số tiêu chuẩn được lựa chọn của nhóm						74					
Số làng chọn nhóm làm tiêu chuẩn đứng đầu						7					

	Tuổi tác		Ngạch võ		Luân phiên	
	Thượng lão	Suất đội	Cấm binh	Tinh binh	Giáp luân phiên	
Số làng xã quy định cho từng tiêu chuẩn		2	1	1	1	
Tổng số tiêu chuẩn được lựa chọn của nhóm	1		4		1	
Số làng chọn nhóm làm tiêu chuẩn đứng đầu	1		1		0	

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Xét về tiêu chuẩn được lựa chọn, Lý trưởng đứng đầu (29 làng lựa chọn), tiếp theo là khoa mục¹² (20); Chánh tổng¹² (14); Nhất Nhị trường (12); chức sắc¹³ (9); Phó lý¹⁴ (6); Phẩm hàm, Đại khoa¹⁵, Tiên chỉ (5), Thứ chỉ (4); Khoa trường, Sắc mệnh (3), Khao vọng¹⁶, Suất đội¹⁷ (2). Cuối cùng là Tiểu khoa¹⁸, Tú tài¹⁹, Lục thất phẩm²⁰, Thượng lão, Hương trưởng²¹, Cấm binh²², Tinh binh²³, Giáp luân phiên - các giáp luân phiên cắt cử người giáp mình làm Tả văn (1).

Như vậy, xét về số làng xã quy định cho từng nhóm, thì nhóm chức sự làng xã đứng đầu, thứ hai là Đồ đạt, rồi lần lượt đến Quan chức, Ngạch võ, Tuổi tác, Luân phiên. Nếu xét về tiêu chuẩn được chọn lựa trong từng nhóm, thì Lý trưởng đứng đầu. Tiếp theo là Khoa mục. Tuy xếp như vậy, nhưng có thể thấy Chức sự làng xã và Đồ đạt có số lượng vượt trội so với các nhóm còn lại. Đây cũng là điều dễ lý giải, bởi trong làng xã, những tiêu chuẩn được coi trọng là học vấn, chức tước, tuổi tác. Tiêu chuẩn nào được coi trọng hơn cả lại tùy vào quan niệm của từng làng. Tuy nhiên, vì Tả văn là người viết văn tế - văn bản gửi gắm sự tin tưởng, cậy nhờ của dân làng đối với vị thần thánh mà làng thờ phụng, bởi vậy, tiêu chuẩn “chữ nghĩa” phải được đặt lên hàng đầu. Có thể thấy, trong 36 làng có ghi chép về tiêu chuẩn, thì phần lớn - 21/36 làng, chiếm 58,33% làng ưu tiên hàng đầu cho người Đồ đạt, trong khi chỉ có 8/36 (22,22%) làng có sự lựa chọn hàng đầu là chức sự làng xã. Tuy nhiên, đồ đạt là tiêu chuẩn không phải lúc nào cũng được đáp ứng, bởi vài năm mới có một khoa thi, mà đi thi chẳng nữa, cũng rất ít người cập đệ. Bởi vậy, hầu hết các làng đều đưa ra sự lựa chọn thứ hai, thứ ba...: “sắc mệnh hoặc khao vọng viên nhân; thâm niên Lý trưởng” (Thịnh Đức); chức sắc hoặc lý dịch (Thụy Phương); hoặc chức sắc hoặc Tổng lý (Giang Xá); hoặc chức sắc hoặc Tổng lý đương thứ (Tiền Lệ); hoặc Nhất, Nhị trường hoặc Tổng lý hoặc chức dịch (Thôn Vực); chức sắc, Chánh phó tổng hoặc Chánh phó lý đương thứ (Thượng/280); sắc mệnh hoặc khao vọng viên nhân, thâm niên Lý trưởng (Hạ/44); Tiên chỉ; Nhất Nhị trường; Tổng lý (Thượng/46); Chức sắc

¹² Chia theo từng loại là để tôn trọng chữ dùng của người viết bản tục lệ, chứ thực ra, khoa mục và khoa trường đều là chỉ chung người đồ đạt. Sở dĩ có nhiều cách gọi là do chữ dùng của các làng xã khác nhau. Các trường hợp còn lại cũng không tránh khỏi tình trạng tương tự. Bởi vậy, sự phân chia ở đây chỉ mang tính tương đối.

¹³ Chánh tổng, chức quan đứng đầu một *tổng* (Đỗ Văn Ninh, 2002: 112-113).

¹⁴ Chức sắc: Hiện chưa có sự hiểu thống nhất về cách gọi này. Theo (Phạm Xuân Lộc, 2016: 38) thì là “những vị làm quan và có chức vị như Tri phủ, Tri huyện, Trợ biện, Thông phán kinh lịch, lại mục, thông lại, Chánh tổng, Phó tổng, Lý trưởng... cho cả tới Cừ nhân, Tú tài, v.v... Còn theo Phan Kế Bính, lại là những người khoa trường (thi đỗ Tiên sĩ, Phó bảng, Cử nhân, Tao sĩ); chức tước (văn từ Cừ phẩm, võ từ Suất đội trở lên); âm tử, viên tử; người tông sự nhà nước (ông phán, ông ký). Có nơi cả binh đình cũng dự vào (Phan Kế Bính, 1990: 131).

¹⁵ Phó lý: “Trực tiếp trông coi cai quản công việc ở làng có Lý trưởng và Phó lý. Mỗi xã [...] đều có một Lý trưởng và một Phó lý hợp cùng nhau giải quyết thì hành [...] những công việc liên quan đến quốc gia, từ việc lớn đến việc nhỏ, do quan phủ đường ở Tỉnh, Phủ thúc xuống cho Lý trưởng và Phó lý tuân hành” (Phạm Xuân Lộc, 2016: 40).

¹⁶ Đại khoa: Chỉ chung kỳ thi cao cấp nhất (thị Hội, thi Đình) của khoa cử thời phong kiến (Nguyễn Thúy Nga, 2019: 245).

¹⁷ Khao vọng: *Khao* là làm tiệc chiêu đãi dân làng để *làng* công nhận người khao đã đủ tư cách vọng vào các ngôi thứ/tổ chức trong làng; *vọng* là góp một số tiền theo quy định để được gia nhập vào một tổ chức nào đó trong làng (Nguyễn Tá Nhí, 2010: 38-40). Ở đây để chỉ những người đã làm thủ tục khao vọng và được một vị thứ nào đó trong làng.

¹⁸ Suất đội: Võ quan chỉ huy phó 1 đội (Đỗ Văn Ninh, 2002: 566). Mỗi đội có khoảng 20 lính.

¹⁹ Tiểu khoa là người đỗ Tam trường kỳ thi hương (Nguyễn Thúy Nga, 2019: 280-282).

²⁰ Tú tài: Học vị ban cho người thi Hương đỗ 3 trường từ năm Minh Mệnh (1828) triều Nguyễn (triều Lê gọi là Sinh đồ). [...] Tú tài thường được ban những chức quan nhỏ hoặc ở quê mở trường dạy học, làm hương trưởng Hội Tư văn của tổng hoặc xã (Nguyễn Thúy Nga, 2019: 284).

²¹ Lục Thất phẩm: gồm các chức: Hồng lô tự Thiếu khanh, Giám sát Ngự sử, Hàn lâm viện Thị độc, Trưởng sử, Đốc học, Hàn lâm viện Thị giảng, Miếu lang, Phó Trưởng sử, Hàn lâm viện Trước tác, Tri huyện, Chủ sự, Hàn lâm viện Tu soạn, Thông phán, Tào chánh, Hậu bổ, Kiểm sự, Hàn lâm viện Biên tu, Tư vụ, Kinh lịch, Lục sự, Giáo thọ/thụ, Hàn lâm viện Kiểm thảo, Tri châu, Thổ Tri huyện, Hàn lâm viện Điền tịch, Huân đạo, Chánh bát phẩm thụ/Thơ lại (Hà Ngai, 2014: 372-373).

²² Hương trưởng: những người “lo làm việc quan như bắt phu đi đắp đê, bắt tuần phu đi canh gác bảo vệ làng” (Phạm Xuân Lộc, 2016: 18).

²³ Cấm binh: Lính chuyên canh giữ cung điện của nhà vua (Hoàng Phê, 2003: 121).

²⁴ Tinh binh: Quân tinh nhuệ (Hoàng Phê, 2003: 991).

miễn sai, Kỳ mục, Lý phó trưởng (Đàn Viên)... Dĩ nhiên, dù là phương án nào, thì cũng đều phải là người có chữ, hay dùng từ như của Đàn Viên là “chữ nghĩa thông”. Vì khoa mục/đỗ đạt không phải là điều kiện để đạt được, nên tuy là lựa chọn lý tưởng, nhưng cũng không phải là tiêu chuẩn tuyệt đối và trong thực tế, các phương án dự phòng đã thắng thế qua con số kỷ lục của nhóm Chức sự làng xã, mà đứng đầu là Lý trưởng, bởi họ vừa là nhân vật theo sát các hoạt động của làng xã, lại cũng đáp ứng được tiêu chuẩn biết chữ (tuyệt đại đa số các làng khi bầu Lý trưởng đều đưa ra tiêu chuẩn “chữ nghĩa thông”). “Các giáp luân phiên” là tiêu chuẩn duy nhất chỉ được 1 làng quy định và lại cũng không được chọn với tư cách là tiêu chuẩn hàng đầu, mà chỉ là sự lựa chọn cuối cùng, khi không có tiêu chuẩn nào khác được đáp ứng: “Tể chủ do viên Tiên chỉ, Tả văn giao cho viên Thứ chỉ. Nếu như chưa có 2 chức ấy thì 3 giáp mỗi giáp thay quyền 1 năm, kết thúc lại quay lại từ đầu” (Phú Mỹ/2/42, 32b). Hầu hết làng xã không lựa chọn phương án này rất có thể vì do đây là phương án không nêu bật được sự trang trọng của vị trí Tả văn, bởi không có những tiêu chuẩn cao như đỗ đạt, quan chức, v.v...

Ngoài những tiêu chuẩn “cứng” như quy định nêu trên, còn khá nhiều tiêu chuẩn “mềm”. Trong đó, có thể kể tới những tiêu chí dưới đây:

Nho giáo là một trong những ảnh hưởng sâu đậm nhất trong đời sống người Việt Nam nói chung, làng xã nói riêng. Tư tưởng trọng nam khinh nữ của Nho giáo khiến cho những gia đình không có con trai bị coi là “bất toàn”. Sự toàn vẹn của gia đình (thường là vợ chồng song toàn) hay gia đình không xảy ra những việc buồn đau như có thân nhân qua đời cũng là tiêu chí quan trọng. Bởi vậy, ở một số làng, ngoài những tiêu chuẩn kể trên, người ta còn ghi rõ: “Chỉ trừ những người có tang ba tháng trở lên, hai là không có con trai không tính làm, còn thời không, cứ vợ chồng song toàn đều được làm cả” (Thanh Điền/182, 50); “có tang, thời cử người khác” (Thượng/280, 25). Với tư tưởng cục bộ, những người ngụ cư thường xuyên bị đối xử bất bình đẳng: không được chia ruộng, không có tên trong danh sách “chính đình/nội tịch”²⁴, khi ra đình, phải ngồi mâm dưới... Sự phân biệt ấy không có ngoại lệ, bởi thế, những người “chưa thành tở” (tức là chưa “vào làng” được ba đời trở lên, hoặc số đời đã đủ, nhưng chưa có “lễ vào làng” theo quy định, sẽ không được bầu làm Tả văn, cho dù có đáp ứng được tất cả các tiêu chuẩn còn lại: “chưa thành tở [...], Tể chủ, Điền văn ông ấy không được” (Thụy Phương, 61b).

3.3. *Nhiệm vụ*

Nội dung này không được nhiều văn bản quy định. Tuy nhiên, qua một số ghi chép ít ỏi, cũng có thể thấy rằng, ngoài “viết chúc văn” là nhiệm vụ chính và đã được nêu bật ở tên gọi của chức sự này, họ còn phải khao làng và khi có tế lễ thì phải “trao giới, ra đình miếu từ hôm trước, bàn định việc thờ” (Thanh Điền/182, 51). Trong đó, về lệ khao, Thanh Điền/182 theo lệ cũ phải có thủ tục này, nhưng trong giai đoạn cải lương hương tục thì điểm này đã bãi bỏ. Viên Hoàng vẫn giữ lệ khao; Giáp Lục (6a) thì chỉ yêu cầu những ai mới ứng làm Lý trưởng hoặc trúng khóa thì làm lễ tại Văn chỉ và mời Tư văn, rồi mới được làm Tả văn. Theo lệ làng, những ai không hoàn thành thủ tục khao vọng chắc chắn không được đảm nhiệm chức vụ này (“vô vọng bất thành quan). Theo ghi chép của Phạm Xuân Lộc ngoài những tiêu chuẩn phổ biến trên đây, cũng có nơi, có người “không thi đỗ khóa khảo hạch nào, chưa từng đi thi trúng Nhất trường, Nhị trường, cũng chẳng hề làm qua các chức Lý trưởng, Phó lý hay Hương trưởng bao giờ, [...] chỉ là vì nhà có của nên bỏ tiền ra mua vọng Quan viên” - gọi là “Quan viên chân trắng” - cũng có thể được làm Điền văn (Phạm Xuân Lộc, 2016: 34). Nhưng người này sẽ phải tốn kém rất nhiều mới có được “chân” ấy. Nếu như “Tú tài, Lý trưởng, Phó lý khi ra giữ chân Điền văn chỉ phải làm cỗ mời các Kỳ mục, Quan viên ăn uống mà thôi. Còn Quan viên chân trắng nếu muốn được bầu làm Điền văn thì trước tiên phải làm cỗ mời các vị

²⁴ Chính đình: Dân đình gốc ở làng. Nội tịch: Sổ ghi chép danh sách dân đình là người làng gốc.

Trùm trường và Kỳ mục, sau đó làm cỗ mời các Quan viên rồi cuối cùng lại làm cỗ mời dân làng gồm toàn thể Giai hạng trong làng cùng tới ăn uống. Đó mới chỉ là cỗ bàn. Ngoài cỗ ra người đó còn phải chi tiền 50 đến 60 đồng gọi là tiền vọng nhập Kỳ mục cùng với 3, 4 đồng nữa để kính biếu dân làng” (Phạm Xuân Lộc, 2016: 35).

3.4. Quyền lợi

Quyền lợi của nhóm người này được quy định thành hai hình thức: biếu phần sau các kỳ tế hoặc/và chia ruộng. Trong 39 văn bản ghi chép về quyền lợi, tuyệt đại bộ phận chọn “biếu phần” (36/39 văn bản, $\approx 92,31\%$), rất ít làng chọn phương thức chia ruộng: 2/39 $\approx 5,13\%$ văn bản). Trong đó, duy nhất Ứng Hòa (1/39 $\approx 2,56\%$) chọn dùng song song hai phương thức quyền lợi cho Tả văn: vừa được biếu phần, vừa được chia 1 sào ruộng.

Về phần biếu, một buổi tế có hai nhân vật quan trọng nhất là Tế chủ và Tả văn, bởi vậy, trong các văn bản, thông thường, Tả văn và Tế chủ được biếu phần ngang nhau - nếu tế lợn thì thường được biếu phần thủ - bộ phận được coi là quý nhất của con vật tế (cũng có khi Tả văn được biếu ít hơn, tuy nhiên, phần biếu của Tả văn luôn được nhiều hơn so với những người còn lại). Có thể thấy được điều này qua ghi chép ở khá nhiều văn bản: “Kính biếu Tả văn, Chủ tế một nửa thủ lợn. Còn lại chia đều cho các người hành lễ cùng thụ hưởng” (Động Phí, 11a); “Tả văn, Tế chủ [...] biếu 1 thủ, 5 phẩm oản, 10 bình rượu, 100 miếng trâu cau” (Viên Hoàng, 3a); “biếu Chủ tế 2 miếng, Tả văn 1 miếng. Còn lại biếu các chức binh hộ bên Văn, bên Võ” (Yên Cảnh, 9b).

3.5. Hình thức phạt

Chỉ có 7/48 làng quy định việc phạt Tả văn (cũng có thể là các chức sự tế lễ khác), với các lỗi: hành lễ bất cẩn, thất lễ, có việc bận mà không xin phép, đánh vỡ đồ thờ, trong thời hạn để tang từ Tiểu công²⁵ trở lên mà vẫn đi dự tế, hoặc mũ áo không chỉnh tề trong khi tế. Cụ thể như sau: hành lễ bất cẩn phạt 3 hào (La Dương); thất lễ phạt 5 hào và 100 khẩu trâu (Thanh Điền/182); không xin phép khi vắng mặt phạt 3 mạch (Thôn Vực), 2 hào (Cổ Chế); đánh vỡ đồ thờ phải đền và sửa một trăm khẩu trâu tạ làng (Đại Lộ); có tang từ Tiểu công trở lên vẫn dự tế hoặc mũ áo không chỉnh tề khi tế phạt 2 hào (Thượng/280).

4. Một vài nhận xét

Kết quả thống kê cho thấy các quy định cho mỗi mục có sự chênh lệch khá lớn:

Về tiêu chuẩn, có 36 làng quy định.

Nhiệm vụ được 4 làng quy định.

Về quyền lợi, có 39 làng quy định.

Về thời hạn chỉ có 1 làng quy định.

Về hình thức phạt, có 7 làng quy định.

Như đã chỉ ra ở nhiều nghiên cứu khác về việc ghi chép điều lệ của làng xã, trong khá nhiều trường hợp, người ta chỉ ghi những gì được cho là quan trọng (quan trọng hay không, cũng không có một quy chuẩn nào, mà tùy thuộc vào từng làng). Qua các con số thống kê trên, có thể nhận ra thứ tự quan trọng trước sau đối với từng nội dung:

Quyền lợi là thứ được quan tâm nhất (mà ở đây chủ yếu là được biếu phần khi làng có tế lễ. “Một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp” là tâm lý vô cùng phổ biến của người dân xưa, bởi vậy, nội dung này luôn hiện diện ở hầu khắp các làng.

²⁵ Tiểu công: Loại tang chế 5 tháng, để tang cho những người sau: ông nội của cha mình, anh em trai của bà nội mình, bà nội chồng mình, chị em họ cùng ông nội với cha mình, chị em gái ruột đã xuất giá, chị dâu, em dâu, anh em trai họ chung cụ nội với mình, chị em gái họ chung cụ nội (chưa xuất giá); ông bà ngoại, cậu ruột, chị em gái ruột của mẹ.

Tiêu chuẩn tuy có số văn bản quy định ít hơn so với quyền lợi, nhưng so với *nhiệm vụ, thời hạn* và *hình phạt* thì gấp nhiều lần. Đáng lưu ý, vấn đề tưởng như rất quan trọng là nhiệm vụ của chức sự lại chỉ được 4/48 ($\approx 8,33\%$) văn bản đề cập. Điều đó phải chăng đã chứng tỏ rằng “lệ bất thành văn” có uy quyền rất lớn trong đời sống làng xã. Hơn nữa, được “làng” tin nhiệm, bầu vào những chức trách trong hoạt động tế lễ là một vinh dự lớn, bởi vậy, chẳng cần ghi chép, người ta cũng không phải lo lắng về việc đương sự không làm tốt trách nhiệm của mình.

5. Kết luận

Qua thông tin từ các văn bản, có thể hình dung được diện mạo của chức sự Tả văn trong làng xã như sau:

Trước tiên, tiêu chuẩn để được làm Tả văn rất phong phú và được quy định mỗi làng mỗi khác. Nhưng thường thì, tiêu chuẩn để đạt là lựa chọn đầu tiên. Tuy nhiên, vì sự không dễ đạt được của tiêu chuẩn này, nên các phương án dự phòng lại trở nên thắng thế khi tổng số tiêu chuẩn thuộc nhóm chức sự nhiều hơn hẳn tổng số tiêu chuẩn thuộc nhóm để đạt, mà trong nhóm chức sự thì người được nhiều làng lựa chọn nhất là Lý trưởng - người vừa đại diện cho làng, vừa đáp ứng được yêu cầu biết chữ, để có thể thực hiện được nhiệm vụ viết văn tế.

Nhiệm kỳ của họ thường là nhiều năm, hoặc 1 năm, tùy từng nơi.

Nhiệm vụ của họ, ngoài viết văn tế, để có thể trở thành Tả văn chính thức, còn cần phải “khao làng”.

Vì là nhân vật quan trọng trong buổi tế, nên quyền lợi của họ thường tương đương với Chủ tế, hoặc nếu kém thì cũng chênh lệch không nhiều. Tuyệt đại bộ phận các làng quy định quyền lợi của Tả văn là được biếu phần sau khi tế. Phần biếu này thường là những bộ phận có giá trị biểu tượng cao nhất của vật tế, hoặc nếu không có những tế phẩm mang tính biểu tượng, thì phần của họ cũng được nhiều hơn các thành viên còn lại. Một số ít làng cũng chọn dùng việc chia ruộng cho Tả văn khi họ nhận nhiệm vụ.

Khi không hoàn thành nhiệm vụ hoặc xảy ra sai sót nào đó, hình phạt đối với họ thường là tiền hoặc/và trâu.

Khảo sát các văn bản ghi chép về Tả văn, có thể thấy, trong khi quy định về chức sự, thứ mà người ta quan tâm nhất là “quyền lợi”. Nhiệm vụ và hình phạt, những thứ tưởng chừng có thể gò họ vào khuôn khổ lại là điều ít được văn bản hóa. Khảo sát trên một diện rộng các văn bản tục lệ ở đồng bằng sông Hồng, tôi thấy đây là hiện tượng phổ biến. Đó là do tâm lý “một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp”, “uy quyền” của luật bất thành văn trong làng xã và sự tự giác của đương sự khi không muốn mất đi địa vị được nhiều người trọng vọng của mình.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu Việt văn

- Đỗ Văn Ninh. (2002). *Từ điển chức quan Việt Nam*. Nxb. Thanh niên.
- Hà Ngại. (2014). *Khúc tiêu đồng - Hồi ký của một vị quan triều Nguyễn*. Nxb. Trẻ.
- Hoàng Phê. (Chủ biên, 2003). *Từ điển Tiếng Việt*. Nxb. Đà Nẵng.
- Nguyễn Tá Nhí. (Chủ biên, 2010). *Tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội: Tuyển tập hương ước tục lệ*. Nxb. Hà Nội.
- Nguyễn Thúy Nga. (Chủ biên, 2019). *Khoa cử Việt Nam: Tú tài triều Nguyễn*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phạm Xuân Lộc. (2016). *Nhân danh tập chí*. Nguyễn Văn Nguyên và Philippe Papin dịch, giới thiệu. Nxb. Thế giới.
- Phan Kế Bính. (1990). *Việt Nam phong tục*. Nxb. Văn học.

Tài liệu Hán Nôm

Bản sao phong tục xã La Dương tổng An Lũng (huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông - Đào Phương Chi). Ký hiệu HUN277 - gọi tắt là La Dương.

Đại Lộ xã cải lương lập chính 大路社改良立正. Định bản năm 1934. Ký hiệu VNv.524 - gọi tắt là Đại Lộ.

Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Thượng Phúc huyện Tín Yên tổng Đông Duyên xã khoán lệ 河東省常信府上福縣信安總東沿社券例. Định bản năm 1874. Ký hiệu AF.a2/100 - gọi tắt là Đông Duyên.

Hà Đông tỉnh Thanh Trì huyện Thịnh Liệt tổng Giáp Lục thôn tục lệ 河東省青池縣盛烈總甲六社俗例. Định bản năm Quý Sửu (?). Ký hiệu AF.a2/89 - gọi tắt là Giáp Lục.

Hà Đông tỉnh Sơn Lãng huyện Thái Bình tổng Đoàn Xá xã cổ khoán ước 河東省山郎縣太平總段舍社古券約. Định bản năm 1915. Ký hiệu AF.a2/53 - gọi tắt là Đoàn Xá.

Hà Đông tỉnh Chương Mỹ huyện Chúc Sơn tổng Đồng Lệ xã tục lệ 河東省彰美縣祝山總同例社俗例. Định bản năm 1910. Ký hiệu AF.a2/1 - gọi tắt là Đồng Lệ.

Hà Đông tỉnh Đan Phượng huyện Kim Thiềm tổng Giang xá xã phong tục - gọi tắt là Giang Xá.

Hà Đông tỉnh Phú Xuyên huyện Thịnh Đức xã Hạ thôn tục lệ 河東省富川縣盛德社下村俗例. Định bản năm 1910. Ký hiệu AF.a2/44 - gọi tắt là Hạ/44.

Hà Đông tỉnh Thanh Trì huyện Thanh Trì tổng Nam Dur Thượng xã tục lệ 河東省青池縣青池總南畚上社俗例. Ký hiệu AF.a2/87 - gọi tắt là Nam Dur Thượng.

Hà Đông tỉnh Phú Xuyên huyện Mỹ Lâm tổng Nam Phú xã tục lệ 河東省富川縣南富社俗例. Ký hiệu AF.a2/42 - gọi tắt là Nam Phú.

Hà Đông tỉnh Chương Mỹ huyện Chúc Sơn tổng Ninh Sơn xã tục lệ 河東省彰美縣祝山總寧山社俗例. Định bản năm 1910. Ký hiệu AF.a2/1 - gọi tắt là Ninh Sơn.

Hà Đông tỉnh Phú Xuyên huyện Thanh Xuyên thôn tục lệ 河東省富川縣青川村俗例. Định bản năm 1908. Ký hiệu AF.a2/38 - gọi tắt là Thanh Xuyên.

Hà Đông tỉnh Phú Xuyên huyện Thịnh Đức Thượng xã tục lệ 河東省富川縣盛德上社俗例. Chưa rõ năm định bản. Ký hiệu AF.a2/44 - gọi tắt là Thịnh Đức Thượng.

Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Phú Gia²⁶ tổng Thụy Phương xã phong tục 河東省懷德府慈廉縣富家總瑞芳社風俗. Định bản năm 1915. Ký hiệu AF.a2/63 - gọi tắt là Thụy Phương.

Hà Đông tỉnh Phú Xuyên huyện Hoàng Lưu xã Thượng thôn tục lệ 河東省富川縣黃流社上村俗例. Không rõ năm định bản. Ký hiệu AF.a2/46 - gọi tắt là Thượng/46.

Hà Đông tỉnh Đan Phượng huyện Đắc Sở tổng Tiền Lệ xã phong tục 河東省丹鳳縣得所總前例社風俗. Định bản năm 1910. Ký hiệu AF.a2/19 - gọi tắt là Tiền Lệ.

Hà Đông tỉnh Phú Xuyên huyện Tri Chỉ xã tục lệ 河東省富川縣知止社俗例. Không rõ niên đại định bản. Ký hiệu AF.a2/46 - gọi tắt là Tri Chỉ.

Hà Đông tỉnh Phú Xuyên huyện Bất Náo xã Tri Lễ thôn tục lệ 河東省富川縣不撓社知禮村俗例. Định bản năm 1908. Ký hiệu AF.a2/41a - gọi tắt là Tri Lễ.

Hà Đông tỉnh Phú Xuyên huyện Từ Thuận xã tục lệ 河東省富川縣慈順社俗例. Định bản năm 1908. Ký hiệu AF.a2/45 - gọi tắt là Từ Thuận.

Hà Đông tỉnh Chương Mỹ huyện Lương Xá tổng Ứng Hòa xã tục lệ phong tục 河東省彰美縣應和社俗例風俗. Định bản năm 1910. Ký hiệu AF.a2/5 - gọi tắt là Ứng Hòa.

Hà Đông tỉnh Phú Xuyên huyện Lương Xá xã Văn Hội thôn tục lệ 河東省富川縣梁舍社文會俗例. Định bản năm 1907. Ký hiệu AF.a2/41 - gọi tắt là Văn Hội.

Hà Đông tỉnh Phú Xuyên huyện Văn Hoàng xã Vực thôn tục lệ 東省富川縣雲黃社域村俗例. Không rõ năm định bản. Ký hiệu AF.a2/47, gọi tắt là Thôn Vực.

Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Thượng Phúc huyện Chương Dương tổng Yên Cảnh xã tục lệ 河東省常信府上福縣彰陽總安境社俗例. Định bản năm 1883. Ký hiệu AF.a2/95 - gọi tắt là Yên Cảnh.

²⁶ Nguyên văn viết nhầm thành Gia Phú.

Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Thượng Phúc huyện Tín Yên tổng Yên Duyên xã khoán lệ 河東省常信府上福縣信安總安治社券例. Định bản năm 1874. Ký hiệu AF.a2/100 - gọi tắt là Yên Duyên.

Hà Đông tỉnh Đan Phượng huyện Dương Liễu tổng Yên Sở xã phong tục 河東省丹鳳縣楊柳總安所社風俗. Định bản năm 1914. Ký hiệu AF.a2/15 - gọi tắt là Yên Sở.

Hương ước xã Cổ Châu tổng Mỹ Lâm huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông. Định bản năm 1917. Ký hiệu HUN535 - gọi tắt là Cổ Châu.

Hương ước xã Đa Sỹ tổng Thượng Thanh Oai phủ Ứng Hòa tỉnh Hà Đông. Năm định bản 1915. Ký hiệu HUN468 - gọi tắt là Đa Sỹ.

Hương ước xã Đan Viên tổng Đồng Dương phủ Thanh Oai tỉnh Hà Đông. Năm định bản 1916 và 1917. Ký hiệu HUN339 - gọi tắt là Đan Viên.

Hương ước thôn Hạ xã Mễ Trì tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông. Ký hiệu HUN284 - gọi tắt là Hạ/284.

Hương ước xã Thọ Lão tổng Thọ Lão huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông. Định bản năm 1916. Ký hiệu HUN183 - gọi tắt là Thọ Lão.

Hương ước xã Tụ Khoát tổng Nam Phù Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông. Định bản năm 1918. Ký hiệu HUN619 - gọi tắt là Tụ Khoát.

Khoán lệ xã Cổ Chát tổng Đông Cứu huyện Thượng Phúc phủ Thường Tín tỉnh Hà Đông. Năm định bản 1911 (AF.a2/96) - gọi tắt là Cổ Chát.

Khoán lệ thôn Ngọc Động xã Đông Phú tổng Đạo Tú huyện Sơn Lãng phủ Ứng Hòa tỉnh Hà Đông. Định bản năm 1919. Ký hiệu AF.a2/48 - gọi tắt là Ngọc Động.

Nghĩa Lộ xã Thọ Vực thôn hương ước (làng Thọ Vực xã Nghĩa Lộ tổng La Nội phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông). Định bản năm 1915. Ký hiệu HUN312 - gọi tắt là Thọ Vực.

Phong tục xã Dương Liễu tổng Dương Liễu huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông. Năm định bản 1914. Ký hiệu HUN142 - gọi tắt là Dương Liễu.

Phong tục xã Phương Bảng huyện Đan Phượng tổng Đắc Sở tỉnh Hà Đông. Định bản năm 1915. Ký hiệu AF.a2/17 - gọi tắt là Phương Bảng.

Phong tục xã Thanh Diềm tổng Thọ Lão huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông. Không rõ năm định bản. Ký hiệu HUN182 - gọi tắt là Thanh Diềm.

Phong tục thôn Thượng xã Mễ Trì tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông. Định bản năm 1917. Ký hiệu HUN280 - gọi tắt là Thượng/280.

Phong tục thôn Thượng xã Từ Dương phủ Ứng Hòa tỉnh Hà Đông. Định bản năm 1916. Ký hiệu HUN513 - gọi tắt là Thượng/513.

Sơn Đồng xã hương lệ 山桐社鄉例. Định bản năm 1913. Ký hiệu AF.a2/22 - gọi tắt là Sơn Đồng.

Trù Mật hạng lệ. Định bản năm 1887. Ký hiệu A.717 - gọi tắt là Trù Mật.

Tục lệ xã Chương Dương tổng Chương Dương huyện Thượng Phúc phủ Thường Tín tỉnh Hà Đông. Năm định bản 1915 - 1916. Ký hiệu AF.a2/95 - gọi tắt là Chương Dương.

Tục lệ thôn Cổ Chế xã An Hoài tổng Mỹ Lâm huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông. Năm định bản 1917. Ký hiệu HUN534 - gọi tắt là Cổ Chế.

Tục lệ xã Đồng Vinh tổng Thịnh Đức Thượng huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông. Định bản năm 1908. Ký hiệu AF.a2/43a - gọi tắt là Đồng Vinh.

Tục lệ xã Khai Thái tổng Khai Thái huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông. Ký hiệu AF.a2/40 - gọi tắt là Khai Thái.

Tục lệ xã Phú Mỹ tổng Mỹ Lâm huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông. Không rõ năm định bản. Ký hiệu AF.a2/42 - gọi tắt là Phú Mỹ.

Tục lệ xã Viên Hoàng tổng Hoàng Trung huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông. Định bản năm 1909. Ký hiệu AF.a2/38 - gọi tắt là Viên Hoàng.

Tục lệ xã Vĩnh Thị tổng Vĩnh Ninh huyện Thanh Trì phủ Thường Tín tỉnh Hà Đông. Định bản năm 1915. Ký hiệu HUN356 - gọi tắt là Vĩnh Thị.